

THÓI QUEN SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG THƯ VIỆN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ QUỲNH CHÍ^{*}, ĐẶNG HOÀNG AN^{**}

TÓM TẮT

Bài báo đề cập thực trạng thói quen sử dụng thông tin trong thư viện của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM). Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên Trường ĐHSPTPHCM “thỉnh thoảng” mới sử dụng thông tin trong thư viện với mục đích chính là học tập; sử dụng thông tin trong suốt quá trình học với tần số hàng tuần; thông tin dạng in và ngôn ngữ tiếng Việt; tìm kiếm bằng tất cả các hình thức và thường xem lướt qua những ý chính, nội dung thông tin trọng tâm phù hợp với mục đích sử dụng của mình và photo hay in ra để về nhà xem cho đỡ mất thời gian.

Từ khóa: thói quen, sử dụng thông tin, thói quen sử dụng thông tin.

ABSTRACT

Information behavior at the library of students' Ho Chi Minh City University of Education

The article presents a research on the current information behavior at the library of students' HCMC of University of Education. The research results show that “sometimes” is the frequency of students' information usage at the library; the main purpose of information usage is for studying, “weekly” is the frequency of information usage during their university studying, printed materials in Vietnamese language are mostly used, the searching ways are all available ways, browsing main contents is mostly used, the content of used information is relevant with their purpose of information usage.

Keywords: behavior, information use, information behavior.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, Trường ĐHSPTPHCM triển khai công tác hoàn thiện hệ thống thông tin thư viện, nhằm góp phần đổi mới phương pháp dạy và học, phục vụ mục tiêu đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao. Người dùng tin là một bộ phận quan trọng, không tách rời của hệ thống thông tin, bởi vì họ vừa là đối tượng phục vụ, vừa là người tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ thông tin, đồng thời cũng là người sản sinh ra thông tin.

Tại trường ĐHSPTPHCM, người dùng tin là cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên..., trong đó sinh viên là đối tượng chủ yếu. Sinh viên đến thư viện như thế nào, tần số bao nhiêu, với mục đích gì?..., hay gọi chung là thói quen sử dụng thông tin trong thư viện của sinh viên, là những cơ sở hết sức quan trọng trong việc hình thành kỹ năng khai thác thông tin ở đối tượng độc giả này. Vì vậy, với vai trò là cầu nối giữa tri thức và sinh viên, chúng tôi xem việc nghiên cứu “Thói quen sử

^{*} TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM; Email: qchisupham@yahoo.com

^{**} ThS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

dụng thông tin trong thư viện của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh” là cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi dựa trên sự phối hợp của nhiều phương pháp, trong đó điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính. Bảng hỏi gồm các câu hỏi để sinh viên tự đánh giá về thói

quen sử dụng thông tin trong thư viện và các câu hỏi nhằm đánh giá thói quen đó thông qua các biểu hiện cụ thể.

Khách thể nghiên cứu bao gồm 344 sinh viên của Trường ĐHSP TP HCM được lựa chọn ngẫu nhiên.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Tự đánh giá về thói quen sử dụng thông tin trong thư viện của sinh viên Trường ĐHSP TP HCM (xem Bảng 1)

Bảng 1. Tự đánh giá của sinh viên về thói quen sử dụng thông tin tại thư viện Trường ĐHSP TP HCM

STT	Mức độ	N	%
1	Rất thường xuyên	15	4,4
2	Thường xuyên	56	16,3
3	Thỉnh thoảng	189	54,9
4	Ít khi	75	21,8
5	Không bao giờ	9	2,6
	Tổng	344	100,0

Bảng 1 cho thấy mức “thỉnh thoảng” với tỉ lệ 54,9%, chiếm hơn 1/2 số lượng mẫu nghiên cứu. Cụ thể, trên tổng số 344 sinh viên được khảo sát, có đến 189 sinh viên chọn mức đánh giá này. Đây là một chỉ số đáng ngạc nhiên và mang tính báo động trong bối cảnh giáo dục đại học ngày càng đề cao phương thức tự học và tự nghiên cứu ở sinh viên.

Có 75 sinh viên trên tổng số 344 chọn mức “ít khi”, chiếm tỉ lệ 21,8%, ít hơn 1/2 so với mức “thỉnh thoảng”, nhưng cũng chiếm gần 1/4 số sinh viên được khảo sát. Một lần nữa chúng ta chứng kiến một chỉ số khá lớn theo hướng tiêu cực, và nó khẳng định tính báo động đã nêu trên.

Khoảng gần 1/4 số sinh viên đánh giá thói quen sử dụng thông tin của mình ở mức “rất thường xuyên” và “thường xuyên”, trong đó có 56/344 ở mức “thường xuyên”, chiếm 16,3%, và 15/344 ở mức “rất thường xuyên”, chiếm 4,4%. Đây là những con số không quá nhỏ nhưng cũng không thực sự lớn. Nó không cho thấy hiệu quả rõ ràng của các biện pháp *đổi mới* mà hệ thống giáo dục, nhất là ở bậc đại học, đã cố gắng thực hiện từ nhiều năm nay.

Có tỉ lệ thấp nhất trong nội dung khảo sát này là mức “không bao giờ”, chiếm 2,6%. Thật vậy, chỉ có 9/344 sinh viên được khảo sát cho biết việc sử dụng thông tin tại thư viện hoàn toàn không nằm trong thói quen học tập của họ. Chỉ

số này, tự thân nó, không gây ra cảm giác đáng lo ngại. Song, cùng với kết quả của các mức “thỉnh thoảng” và “ít khi” - có tổng là 79,3% - nó góp phần tạo nên một bức tranh “không sáng sủa” về tính năng động của sinh viên trong việc tự học và tự nghiên cứu.

2.2.2. *Kết quả đánh giá về thói quen sử dụng thông tin trong thư viện của sinh viên Trường ĐHSP TP HCM qua các biểu hiện (xem Bảng 2)*

Thói quen sử dụng thông tin trong thư viện của sinh viên Trường ĐHSP TP HCM được thể hiện qua các mặt:

- Mục đích và mức độ sử dụng thông tin;

- Tần số và thời gian sử dụng thông tin;

- Loại hình sử dụng thông tin phổ biến và mức độ sử dụng thông tin đối với từng loại hình;

- Ngôn ngữ chủ yếu trên thông tin và mức độ sử dụng thông tin với từng ngôn ngữ;

- Cách tiếp cận thông tin chủ yếu trong thư viện và mức độ sử dụng thông tin đối với từng cách tiếp cận; cách tra cứu thông tin chủ yếu và mức độ sử dụng thông tin đối với từng cách tra cứu;

- Cách tìm kiếm thông tin chủ yếu và mức độ sử dụng thông tin đối với từng cách tìm kiếm.

Bảng 2. Đánh giá chung về thói quen sử dụng thông tin của sinh viên tại thư viện

STT	Các mặt biểu hiện	Biểu hiện cao nhất	ĐTB chung từng mặt biểu hiện	Xếp hạng
1	Mục đích sử dụng thông tin	Học tập	3,11	2
2	Tần số và thời gian sử dụng thông tin	Sử dụng hàng tuần, trong suốt quá trình học tập và sử dụng trên 2 giờ	2,37	5
3	Loại hình sử dụng thông tin	Tài liệu thông tin dạng in, sách chuyên ngành là chủ yếu	2,75	4
4	Việc sử dụng ngôn ngữ thông tin	Tiếng Việt	2,08	6
5	Cách tiếp cận và tra cứu thông tin	Xem lướt qua những ý chính, nội dung thông tin trọng tâm phù hợp với mục đích sử dụng của mình và photo hay in ra để về nhà xem cho đỡ tốn thời gian	2,80	3
6	Cách tìm kiếm thông tin trong thư viện	Tìm kiếm bằng tất cả các hình thức	3,22	1
	ĐTB chung		2,72	

(ĐTB: Điểm trung bình)

Kết quả nghiên cứu cho thấy ĐTB chung tìm được là 2,72. Con số này phản ánh chính xác thói quen sử dụng thông tin của sinh viên tại thư viện ở mức “thỉnh thoảng”.

Trong các biểu hiện cụ thể của thói quen sử dụng thông tin tại thư viện, “Cách tìm kiếm thông tin trong thư viện” có ĐTB cao nhất, với “Tìm kiếm bằng tất cả các hình thức” (ĐTB = 3,22, mức “thỉnh thoảng”). Biểu hiện có ĐTB thấp nhất là “Việc sử dụng ngôn ngữ thông tin” (ĐTB = 2,08, mức “ít khi”). Điều này cho thấy phương thức tìm kiếm thông tin có biểu hiện phong phú hơn so với việc sử dụng ngôn ngữ thông tin. Trên thực tế, trong những lần đầu sinh viên sử dụng thông tin tại thư viện, họ được cán bộ thư viện hướng dẫn tận tình về cách thức tìm mã số thông tin và lấy sách tại kệ/quầy, do vậy sinh viên gần như có kinh nghiệm nhất định trong việc này. Trong khi đó, các tài liệu được xuất bản bằng những ngôn ngữ không phải là tiếng Việt được sinh viên sử dụng ở mức thấp, có thể do tính chất của môn học, nhu cầu của sinh viên và đặc thù của các nguồn tài liệu có tại thư viện. Ngoài những tài liệu bằng tiếng Việt vốn chiếm đa số, thư viện sở hữu một số lượng không nhiều tài liệu bằng tiếng Anh, và rất ít tài liệu bằng tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Nga. Bản thân sinh viên cũng ít khi tìm đến các loại tài liệu bằng 3 loại ngôn ngữ kể trên. Trao đổi với chúng tôi, sinh viên N. T. L cho biết: *“Em chỉ toàn sử dụng tài liệu bằng tiếng Việt, tài liệu tiếng Anh thì chỉ đối với môn tiếng Anh*

thôi, còn mấy ngôn ngữ khác thì chưa bao giờ sử dụng cả”.

ĐTB cao thứ 2 là “Mục đích sử dụng” (ĐTB = 3,11), có biểu hiện cao nhất là “học tập”; cao thứ 3 là nhóm “Cách tra cứu thông tin” (ĐTB = 2,80), kế đến là nhóm “Loại hình sử dụng thông tin” (ĐTB = 2,75). Trong các loại hình thông tin chung, sinh viên sử dụng “tài liệu thông tin dạng in” nhiều nhất. Điều này là dễ hiểu, bởi lẽ đây là loại hình thông tin phổ biến, gần gũi với sinh viên và số lượng cũng chiếm ưu thế trong thư viện. Đa số các tài liệu mà giảng viên bộ môn giới thiệu cho sinh viên nghiên cứu cũng là “tài liệu thông tin dạng in”. Nhóm biểu hiện “Tần số và thời gian sử dụng thông tin” cũng không có một chỉ số theo hướng năng động (ĐTB = 2,37). Nhìn chung, chỉ số thấp khiến các nhóm biểu hiện này đều có ĐTB ở mức “thỉnh thoảng” nếu đối chiếu với thang đánh giá. Những nhận định tiếp theo mà chúng tôi có thể rút ra, đó là sinh viên chủ yếu sử dụng thông tin tại thư viện với mục đích học tập; cách tra cứu thông tin hướng đến việc tiết kiệm thời gian; loại hình sử dụng chủ yếu là tài liệu thông tin dạng in mà cơ bản nhất là sách giáo trình; sinh viên thường có thói quen đi thư viện hàng tuần, với thời lượng trung bình cho mỗi lần là trên 2 giờ.

Như đã nêu trên, ĐTB chung 2,72 ở bảng 2 hoàn toàn trùng hợp với đánh giá về thói quen của sinh viên trong việc sử dụng thông tin ở mức “thỉnh thoảng”, có tỉ lệ 54,9%. Sự tương đồng này cho thấy bản thân sinh viên có những nhìn nhận tương đối chính xác về những đặc điểm

của chính mình trong việc sử dụng thông tin tại thư viện. Họ cũng có đánh giá khá khách quan về những biểu hiện của thói quen đó, cụ thể về mục đích sử dụng, về tần số thời gian sử dụng, loại hình sử dụng, ngôn ngữ thông tin, cách tra cứu và tìm kiếm thông tin. Dưới góc độ của người nghiên cứu, thái độ trung thực và khách quan của sinh viên là một yếu tố quan trọng giúp sinh viên nhận thức được những điểm yếu của bản thân, cũng như hình thành cho mình những thói quen mới theo hướng tích cực.

3. Kết luận

Nghiên cứu này cho phép chúng tôi nhận định rằng mục đích học tập là yếu tố quan trọng nhất, có tính chi phối đối với việc sử dụng thông tin của sinh viên tại thư viện, song điều đó không biện hộ được cho việc sinh viên xuất hiện ở thư viện với một tần số thấp. Loại hình thông tin mà sinh viên thường sử dụng nhất là tài liệu dưới dạng truyền thống, chủ yếu là tài liệu bằng tiếng mẹ đẻ. Điều này buộc chúng ta phải suy nghĩ, một mặt, về phương pháp học tập của sinh viên, mặt khác, về khả năng tiếp cận thông tin bằng

ngoại ngữ của sinh viên ở thời kì được Nhà nước chủ trương là *mở cửa và hội nhập*. Nghiên cứu cũng cho thấy rằng trong quá trình tìm kiếm thông tin, sinh viên rất chú trọng đến vấn đề tiết kiệm thời gian và dành những điều kiện thuận tiện nhất cho việc nghiên cứu tại nhà, một dấu hiệu cho thấy thư viện chưa thực sự là một môi trường gần gũi đối với những người đang có nhiệm vụ “đắm mình vào không gian học thuật”. Đây chắc chắn không phải là những biểu hiện cho phép chúng ta lạc quan, vì ở một trường đại học, không có đơn vị nào có thể thay thế thư viện trong việc cung cấp thông tin. Bên cạnh đó, khuynh hướng giáo dục đại học ngày càng tập trung vào người học và đòi hỏi khả năng tự tìm đến tri thức của anh ta. Do đó, việc hình thành ở sinh viên một thói quen có tính năng động, khoa học và thông minh trong hoạt động tìm kiếm thông tin là trách nhiệm, đồng thời là một đề tài cần được tiếp tục phát triển bởi tất cả những đơn vị, những cá nhân có liên quan đến vấn đề được nêu ở đây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Quy chế số 31/2001*.
2. Vũ Dũng (chủ biên) (2009), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Từ điển Bách khoa.
3. Lê Thị Hân, Huỳnh Văn Sơn (chủ biên) (2012), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Lê Văn Hiếu (2010), *Nghiên cứu nhu cầu thông tin của cán bộ quản lý tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, đề tài khoa học cấp Trường, mã số: CS.2010.19.93, 2010.
5. Nguyễn Huỳnh Mai (2015), “Thói quen sử dụng Internet của sinh viên trường Đại học Cần Thơ”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 2 (52), tr.56-60.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-4-2016; ngày phản biện đánh giá: 08-6-2016;
ngày chấp nhận đăng: 23-7-2016)